

Số 7135 -QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
về việc công nhận thí sinh trúng tuyển
kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 8488-QĐ/HVCTQG ngày 23/3/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận 78 thí sinh thuộc 08 ngành đào tạo trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Website Học viện,
- Như Điều 3,
- Lưu VT, Vụ QLĐTBD.



Nguyễn Xuân Thắng

*

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số -QĐ/HVCTQG ngày tháng năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
1	T25001	Phàn Thị Âm	15/02/2001	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.75	7.50	8.00	15.50	
2	T25002	Trần Việt Anh	14/11/2003	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.13	6.00	7.50	13.50	
3	T25003	Chu Thị Phương Anh	12/12/2002	Kinh tế chính trị		7.00	7.50	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
4	T25004	Phạm Mai Anh	10/05/2003	Quản lý kinh tế	6.75	7.25	6.00	13.25	
5	T25005	Vũ Cẩm Anh	27/02/2002	Quản lý kinh tế	6.75	7.00	6.00	13.00	
6	T25006	Nguyễn Phạm Phương Anh	29/03/1999	Quản lý kinh tế	7.13	5.25	6.50	11.75	
7	T25007	Nguyễn Xuân Ánh	22/10/2003	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật		7.50	8.00	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
8	T25009	Nguyễn Văn Chiều	10/10/1991	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật		7.50	8.00	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
9	T25010	Đặng Thị Chính	04/09/1981	Kinh tế chính trị		8.00	7.50	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
10	T25011	Lê Thị Chung	03/11/1990	Kinh tế chính trị	6.50	8.00	8.00	16.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
						Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
11	T25014	Trương Đình	Đại	16/11/2000	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật		7.50	8.00	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
12	T25015	Nguyễn Phú	Đồng	08/6/1992	Pháp luật về quyền con người	6.75	8.00	8.00	16.00	
13	T25016	Nguyễn Ngọc	DuLy	05/04/2003	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	6.25	6.50	7.50	14.00	
14	T25017	Hà Anh	Dũng	18/05/1995	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	7.00	7.50	7.50	15.00	
15	T25018	Nguyễn Đoàn	Dũng	20/02/1993	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	4.63	6.50	6.00	12.50	
16	T25019	Vũ Thùy	Dương	26/11/1990	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	6.63	7.00	8.00	15.00	
17	T25020	Lê Ngân	Hà	06/09/2002	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		8.00	7.50	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
18	T25021	Vũ Hồng	Hải	27/05/1982	Pháp luật về quyền con người	6.50	8.00	8.00	16.00	
19	T25022	Nguyễn Thị	Hòa	08/09/1995	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	7.50	14.50	
20	T25023	Vũ Tiến Lê	Hoàng	15/11/1988	Văn hóa học	6.75	7.00	8.50	15.50	
21	T25024	Đỗ Mạnh	Hùng	30/03/1986	Pháp luật về quyền con người	6.75	7.00	7.50	14.50	
22	T25025	Nguyễn Liên	Hương	17/06/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7.00	7.50	8.00	15.50	
23	T25026	Trần Đình	Huy	18/10/2001	Văn hóa học		7.00	8.00	15.00	Miễn thi Ngoại Ngữ

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
24	T25027	Phạm Thị Huyền	12/06/1977	Văn hóa học		8.00	8.50	16.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
25	T25028	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/08/1970	Văn hóa học		6.50	7.50	14.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
26	T25029	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	19/12/1994	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6.38	7.50	8.00	15.50	
27	T25030	Lê Văn Khôi	18/02/1991	Kinh tế chính trị	6.00	6.50	8.00	14.50	
28	T25031	Đào Thị Linh	06/02/2002	Kinh tế chính trị	6.38	7.50	8.50	16.00	
29	T25032	Nguyễn Thùy Linh	20/01/1997	Quản lý kinh tế		6.25	7.00	13.25	Miễn thi Ngoại Ngữ
30	T25033	Nguyễn Thị Phương Loan	31/01/1989	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.38	7.00	8.00	15.00	
31	T25034	Phạm Thành Long	30/08/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	8.00	15.00	
32	T25035	Lê Quỳnh Mai	19/07/1990	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	6.75	7.00	7.50	14.50	
33	T25036	Đỗ Cảnh Nam	18/02/1995	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật	5.38	7.00	8.00	15.00	
34	T25037	Nguyễn Minh Ngọc	08/07/2000	Quản lý kinh tế	7.13	5.75	6.50	12.25	
35	T25038	Dương Thị Nguyên	03/11/2000	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật		7.00	7.00	14.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
36	T25039	Lương Thị Trang Nhung	12/11/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.75	8.00	8.50	16.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
						Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
37	T25040	Trần Thị Phương	Ninh	23/08/1989	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.50	7.00	8.00	15.00	
38	T25041	Cao Xuân	Quảng	08/05/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.13	6.50	7.00	13.50	
39	T25042	Vũ Thị	Quyên	29/06/1984	Pháp luật về quyền con người	5.38	6.50	7.00	13.50	
40	T25043	Phạm Đức	Quyên	09/02/1999	Kinh tế chính trị		7.50	7.00	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
41	T25044	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/02/2002	Quản lý kinh tế		5.00	6.00	11.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
42	T25045	Nguyễn Thị	Thùy	19/03/2002	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		7.00	8.00	15.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
43	T25046	Trần Minh	Thùy	17/05/2002	Lý luận và lịch sử nhà nước và Pháp luật		7.50	7.00	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
44	T25047	Nguyễn Thị	Trang	17/12/1995	Văn hóa học	6.50	7.50	8.00	15.50	
45	T25048	Lê Văn	Triệu	06/02/2003	Pháp luật về quyền con người		7.00	8.00	15.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
46	T25049	Đào Duy	Tùng	22/05/2002	Quản lý kinh tế	7.00	5.00	6.00	11.00	
47	T25050	Đặng Quốc	Văn	27/07/2002	Chủ nghĩa xã hội khoa học		7.00	7.00	14.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
48	T25051	Võ Văn	An	05/01/1990	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.13	7.50	8.00	15.50	
49	T25052	Trần Hữu	Bằng	06/12/1978	Quản lý nhà nước		7.00	7.50	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
50	T25053	Châu Thị Chúc	04/03/1984	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.50	7.50	15.00	
51	T25054	Võ Thanh Đăng	07/11/1991	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	8.00	15.00	
52	T25055	Nguyễn Thị Hồng Đào	15/04/1990	Quản lý nhà nước	5.63	7.00	7.50	14.50	
53	T25056	Dương Minh Đạt	19/02/1988	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	4.50	7.00	7.50	14.50	
54	T25057	Lê Nguyễn Duy	29/11/1999	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		7.00	7.50	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
55	T25058	Phạm Nguyễn Hà Giang	31/07/1993	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		7.00	7.50	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
56	T25059	Phạm Ngọc Thanh Hà	09/06/1982	Quản lý nhà nước	4.75	7.00	7.50	14.50	
57	T25060	Lâm Thị Ngọc Hân	04/01/1999	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		7.00	8.00	15.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
58	T25061	Ngô Kim Hiên	19/05/1985	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	7.50	14.50	
59	T25062	Phan Thị Hồng	08/9/1991	Quản lý nhà nước		8.00	7.50	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
60	T25063	Nguyễn Trung Kiên	10/07/1999	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.38	8.00	8.00	16.00	
61	T25064	Phạm Thụy Bảo Long	30/4/2001	Quản lý nhà nước	6.50	7.00	7.00	14.00	
62	T25065	Nguyễn Phúc Trường Luật	18/8/1998	Quản lý nhà nước	5.75	7.50	7.50	15.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
63	T25066	Phan Ngọc Kim Mai	07/03/2003	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		7.00	8.00	15.00	Miễn thi Ngoại Ngữ
64	T25067	Trần Văn Mộng	19/10/1987	Quản lý nhà nước		8.00	6.50	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
65	T25068	Võ Hữu Ngợi	19/7/1994	Quản lý nhà nước	4.63	7.00	6.50	13.50	
66	T25069	Hồ Huỳnh Như	01/01/1993	Quản lý nhà nước	5.38	8.00	6.50	14.50	
67	T25070	Nguyễn Thanh Quy	08/10/1998	Quản lý nhà nước	5.00	7.50	7.00	14.50	
68	T25071	Huỳnh Tiến Sỹ	21/3/2003	Quản lý nhà nước	6.50	7.50	7.00	14.50	
69	T25072	Nguyễn Thanh Tạng	04/02/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.00	7.00	8.00	15.00	
70	T25073	Nguyễn Trí Thanh	09/09/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	5.13	7.50	8.00	15.50	
71	T25074	Trịnh Phúc Thịnh	12/06/1983	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.13	7.50	8.00	15.50	
72	T25075	Phạm Quỳnh Thơ	02/01/2001	Quản lý nhà nước	6.25	8.00	7.50	15.50	
73	T25076	Võ Ngọc Thu	09/8/1988	Quản lý nhà nước	6.63	8.00	7.50	15.50	
74	T25077	Lê Kim Thùy	10/08/1987	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước		8.00	7.50	15.50	Miễn thi Ngoại Ngữ
75	T25078	Nguyễn Văn Tiến	24/6/1971	Quản lý nhà nước		7.50	7.00	14.50	Miễn thi Ngoại Ngữ

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành trúng tuyển	Điểm				Ghi chú
					Môn thi Tiếng anh	Môn thi Cơ bản (1)	Môn thi Cơ sở (2)	Tổng (1)+(2)	
76	T25079	Lê Anh Tuấn	28/8/1981	Quản lý nhà nước	5.25	7.00	6.50	13.50	
77	T25080	Dương Phước Tường	24/05/1986	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	6.25	7.00	7.50	14.50	
78	T25081	Cao Nguyễn Vương	17/12/1995	Quản lý nhà nước	6.25	7.00	7.00	14.00	

Danh sách gồm 78 học viên.

